

Bản án số: 21/2024/DSST

Ngày: 24/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 26/8/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ly S – sinh năm 1965, địa chỉ: B T, phường D, T, Phú Yên. Có mặt.

*Bị đơn:* Vợ chồng ông Ngô Minh H – sinh năm 1978, bà Đặng Thị T – sinh năm 1981, địa chỉ: T, X, Sông C, Phú Yên. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly S trình bày:*

Ngày 12/6/2022 (âm lịch), bà S có cho vợ chồng ông H bà T mượn số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), không lãi suất, thời hạn trả vào tháng 10/2022, có viết giấy mượn tiền ghi ngày 12/6/2022 AL. Sau nhiều lần đòi nợ thì vợ chồng ông H bà T đã trả được 190.000.000đ, nên hiện còn nợ 310.000.000đ. Nay bà S khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn vợ chồng ông H bà T trả số tiền còn nợ là 310.000.000đ, không lãi suất. Đối với ý kiến của bị đơn trả góp 3.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ là kéo dài rất lâu nên nguyên đơn không đồng ý.

*Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn trình bày:*

Ngày 12/6/2022 (âm lịch), vợ chồng ông H bà T có mượn của bà S số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), có viết giấy mượn tiền ghi ngày 12/6/2022 AL, thoả thuận đến tháng 10/2022 sẽ trả toàn bộ số nợ. Tuy nhiên, vì công việc làm ăn khó khăn nên không trả được nợ như thoả thuận, đến nay qua nhiều lần chuyển khoản trả nợ cho bà S thì đã trả được 250.000.000đ, chỉ còn nợ 250.000.000đ. Tuy nhiên, không có lưu giữ chứng cứ để chứng minh đã trả được 250.000.000đ, nay tại phiên tòa bị đơn vợ chồng ông H, bà T thống nhất thừa nhận còn nợ bà S số tiền

310.000.000đ và mong muốn trả góp 3.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ, trường hợp có khả năng sẽ trả nhiều hơn số tiền 3.000.000đ/tháng hoặc trả xong một lần 310.000.000đ cho bà **S**.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền 310.000.000đ; nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên không xét. Về lãi chậm trả và nghĩa vụ thi hành án tuyên xử theo quy định pháp luật. Về án phí: Bị đơn phải chịu 100% án phí theo quy định, không đủ điều kiện để giảm án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà **S** có đơn khởi kiện vợ chồng ông **H** bà **T** cư trú tại thị xã **S** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự thống nhất xác định vợ chồng ông **H** bà **T** có vay của bà **S** số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), theo giấy mượn tiền ghi ngày 12/6/2022 (âm lịch), thỏa thuận thời hạn trả vào tháng 10/2022. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông **H** bà **T** chưa trả xong toàn bộ khoản nợ nên bà **S** khởi kiện tại Tòa án.

Hiện nay, bà **S** xác định vợ chồng ông **H** bà **T** đã trả được 190.000.000đ, nên còn nợ 310.000.000đ; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thì bị đơn cho rằng đã trả được 250.000.000đ, chỉ còn nợ 250.000.000đ. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần có văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả 250.000.000đ cho bà **S**; hoặc cung cấp số tài khoản, tên ngân hàng mà các bên đã giao dịch vay/trả để Tòa án xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn không cung cấp được. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn thống nhất thừa nhận còn nợ bà **S** số tiền 310.000.000đ như bà **S** trình bày và mong muốn trả góp 3.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ 310.000.000đ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nguyên đơn bà **S** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông **H** bà **T** trả số tiền còn nợ 310.000.000đ là có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, phù hợp với đề nghị đại diện Viện kiểm sát nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn có Đơn xin giảm án phí Tòa án do gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí Tòa án có xác nhận của UBND phường nơi bị đơn cư trú, căn cứ Điều 13, 14 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giảm 50% án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13, 14 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Ly S.**

Buộc vợ chồng ông **Ngô Minh H**, bà **Đặng Thị T** thanh toán trả cho bà **Nguyễn Thị Ly S** số tiền 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Ly S** số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8716 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Vợ chồng ông **Ngô Minh H**, bà **Đặng Thị T** phải chịu 7.750.000đ (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

